

Số: 10 /2024/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014; số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 02/4/2024 của HĐND tỉnh về thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất

Stt	Loại đất, địa bàn, khu vực	Hệ số năm 2024 (Lần)
A	Đất ở	
I	Đất ở đô thị	
1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,80
2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,80
3	Các phường thuộc thị xã Quế Võ	1,80
4	Các phường thuộc thị xã Thuận Thành	1,50
5	Thị trấn các huyện	
5.1	Thị trấn Chờ, Thị trấn Lim	1,70
5.2	Còn lại	1,25
II	Đất ở nông thôn	
1	Các xã thuộc các huyện, thị xã	
1.1	Huyện Tiên Du	1,30
1.2	Huyện Yên Phong	1,30
1.3	Các huyện, thị xã còn lại	1,20
III	Đất ở ven trục quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện ngoài đô thị	1,20
IV	Đất ở tại khu đô thị, khu nhà ở mới nằm ngoài đô thị	1,30
B	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	
I	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	
1	Tại đô thị	
1.1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,20
1.2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,20
1.3	Các phường thuộc thị xã Quế Võ	1,15
1.4	Các phường thuộc thị xã Thuận Thành	1,15
1.5	Thị trấn các huyện	1,15
2	Tại nông thôn	
2.1	Các xã còn lại thuộc các huyện, thị xã	1,10
II	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	
1	Tại đô thị	
1.1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,20

Stt	Loại đất, địa bàn, khu vực	Hệ số năm 2024 (Lần)
1.2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,20
1.3	Các phường thuộc thị xã Quế Võ	1,15
1.4	Các phường thuộc thị xã Thuận Thành	1,15
1.5	Thị trấn các huyện	1,15
2	Tại nông thôn	
2.1	Các xã còn lại thuộc các huyện, thị xã	1,10
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven trục quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện ngoài đô thị	1,10
IV	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại khu đô thị, khu nhà ở mới nằm ngoài đô thị	1,10
C	Đất thương mại dịch vụ	
I	Đất thương mại dịch vụ tại đô thị	
1	Các phường thuộc thành phố Bắc Ninh	1,30
2	Các phường thuộc thành phố Từ Sơn	1,20
3	Các phường thuộc thị xã Quế Võ	1,15
4	Các phường thuộc thị xã Thuận Thành	1,15
5	Thị trấn các huyện	1,15
II	Đất thương mại dịch vụ tại nông thôn	
1	Các xã còn lại thuộc các huyện, thị xã	1,15
III	Đất thương mại dịch vụ ven trục quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện ngoài đô thị	1,15
IV	Đất thương mại dịch vụ tại khu đô thị, khu nhà ở mới nằm ngoài đô thị	1,15
D	Đất nông nghiệp	
1	Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác	1,00
2	Đất rừng sản xuất	1,00

Các hệ số điều chỉnh trên được áp dụng từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành tương ứng với giá các loại đất ghi trong Bảng giá đất cùng loại tại Quyết định số 31/2019/QĐ/UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Hệ số điều chỉnh giá đất nêu trên được áp dụng để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định theo Luật Đất đai 2013 và quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về

giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Cụ thể:

- a) Các trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 114 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai.
- b) Tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- c) Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng.
- d) Xác định giá đất của thửa đất, khu đất cần định giá mà tổng giá trị tính theo giá đất trong bảng giá đất đối với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dưới 20 tỷ đồng trong các trường hợp sau:

- Các trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai.

- Tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

2.2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, thẩm định khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể; Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22/4/2024.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tư pháp; Cục thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *Uuuuun*

Nơi nhận: *Uuuuun*

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải
Đào Quang Khải